

CHÍNH PHỦ
Số: 105/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm điện; quản lý nhu cầu điện; tiết kiệm điện; hợp đồng mua bán điện; đảm bảo chất lượng điện năng; đo đếm điện, thanh toán tiền điện, mua bán điện với nước ngoài, giá điện; giấy phép hoạt động điện lực; an toàn điện; hỗ trợ các đơn vị điện lực và nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động điện lực và sử dụng điện.

Điều 2. Nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng

1. Nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Điện lực bao gồm:

- Các nhà máy điện hạt nhân;
- Một số nhà máy thủy điện.

2. Bộ Công nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các nhà máy điện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm điện

1. Đơn vị phát điện có trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm cắt, trạm biến áp trong phạm vi quản lý của mình đồng bộ với trang thiết bị công nghệ phát điện để đấu nối với hệ thống điện, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm đầu tư xây dựng trạm biến áp, trạm cắt, trạm bù công suất phản kháng trong phạm vi quản lý của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 4. Xây dựng, cải tạo lưới điện để tiết kiệm điện

1. Các đường dây, trạm biến áp truyền tải và phân phối điện xây dựng mới phải được thiết kế và sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ phù hợp với các quy phạm, tiêu chuẩn ngành, Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương đương hoặc cao hơn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng tại Việt Nam.

2. Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo, nâng cấp các đường dây, trạm biến áp truyền tải và phân phối hiện có để đảm bảo các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật theo quy định.

Điều 5. Quản lý nhu cầu điện

Quản lý nhu cầu điện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Luật Điện lực là những hoạt động khuyến khích, hướng dẫn việc thay đổi phương thức sử dụng điện; tăng hiệu suất của thiết bị; chống lãng phí, giảm tổn thất điện năng; giảm phụ tải đỉnh, giảm chênh lệch phụ tải giữa giờ cao điểm và thấp điểm.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhu cầu điện

1. Bộ Công nghiệp có trách nhiệm:

a) Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về quản lý nhu cầu điện và hướng dẫn, tổ chức thực hiện;

b) Ban hành các tiêu chuẩn ngành và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhu cầu điện;

c) Hướng dẫn các đơn vị điện lực xây dựng các chương trình, kế hoạch quản lý nhu cầu, cách thức quản lý, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ban hành các tiêu chuẩn Việt Nam về hạn mức sử dụng điện tiết kiệm của thiết bị điện.

3. Bộ Xây dựng có trách nhiệm ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hiệu quả sử dụng điện trong các tòa nhà.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng các cơ chế tài chính để khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động quản lý nhu cầu điện, nghiên cứu và phát triển liên quan đến quản lý nhu cầu điện.

5. Các đơn vị điện lực có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý nhu cầu điện;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các kế hoạch quản lý nhu cầu điện theo quy định của Bộ Công nghiệp.

6. Khách hàng sử dụng điện có trách nhiệm tham gia thực hiện các nội dung trong chương trình quản lý nhu cầu điện.

Điều 7. Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt

1. Điều kiện ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt:

a) Bên mua điện phải có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật và có giấy đề nghị mua điện kèm theo bản sao của một trong các giấy tờ sau: hộ khẩu thường trú hoặc giấy chứng nhận tạm trú, giấy chứng nhận sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê nhà;

b) Bên bán điện có lưới điện phân phối đủ khả năng cung cấp điện đáp ứng nhu cầu của bên mua điện.

2. Bên bán điện phải ký hợp đồng và cấp điện cho bên mua điện trong thời hạn bảy ngày làm việc khi bên mua đã đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp chưa có lưới điện phân phối hoặc lưới điện phân phối bị quá tải có xác nhận của cơ quan điều tiết điện lực, bên bán điện phải trả lời cho bên mua điện trong thời hạn năm ngày làm việc trong đó nêu rõ thời hạn dự kiến cấp điện được.

3. Bộ Công nghiệp ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt.

Điều 8. Các hành vi vi phạm các quy định về mua bán điện

1. Các hành vi vi phạm của bên bán điện bao gồm:

- a) Trì hoãn việc cấp điện sau khi hợp đồng mua bán điện đã ký;
- b) Không bảo đảm chất lượng, số lượng điện năng, tính ổn định trong cấp điện theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện không đúng quy định tại Điều 27 của Luật Điện lực;
- d) Không thông báo theo quy định cho bên mua điện về sự cố lưới điện và trì hoãn việc sửa chữa lưới điện khi có sự cố, trừ trường hợp bất khả kháng;
- đ) Trì hoãn việc đóng điện cho công trình của khách hàng đã có đủ điều kiện vận hành;
- e) Ghi sai chỉ số công tơ; tính sai tiền điện trong hoá đơn; bán sai giá quy định;
- g) Sử dụng thiết bị đo đếm không đạt tiêu chuẩn quy định;
- h) Tự ý sử dụng công trình điện của bên mua điện để cấp điện cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện khác;
- i) Ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng thuộc diện không phải hạn chế khi thiếu điện;
- k) Trì hoãn hoặc không chịu bồi thường cho bên mua điện về những thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- l) Các hành vi khác vi phạm các quy định về mua bán điện.

2. Các hành vi vi phạm của bên mua điện bao gồm:

- a) Trì hoãn việc thực hiện hợp đồng đã ký trong trường hợp mua buôn điện để bán lại cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện;
- b) Sử dụng điện sai mục đích ghi trong hợp đồng;
- c) Không thực hiện cắt điện, giảm mức tiêu thụ điện khi có yêu cầu của bên bán điện do sự cố bất khả kháng;
- d) Sử dụng quá công suất đã đăng ký trong biểu đồ phụ tải được ghi trong hợp đồng mua bán điện vào giờ cao điểm;

- đ) Tự ý sử dụng thêm nguồn điện khác của bên bán điện ngoài nguồn đã ghi trong hợp đồng;
- e) Đóng, cắt, sửa chữa, di chuyển các thiết bị và công trình lưới điện của bên bán điện;
- g) Không thanh lý hợp đồng khi không sử dụng điện;
- h) Làm hư hỏng thiết bị điện hoặc công trình điện của bên bán điện;
- i) Chậm trả tiền điện theo quy định mà không có lý do chính đáng;
- k) Gây sự cố đối với lưới điện của bên bán điện;
- l) Gian lận trong việc sử dụng điện dưới mọi hình thức;
- m) Trì hoãn hoặc không bồi thường cho bên bán điện về những thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- n) Các hành vi khác vi phạm các quy định về mua bán điện.

3. Bộ Công nghiệp hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết khi các bên có yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoà giải đối với những tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

Điều 9. Chất lượng điện năng

1. Bên bán điện phải đảm bảo chất lượng điện năng cung cấp cho bên mua điện theo các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Về điện áp: trong điều kiện bình thường, độ lệch điện áp cho phép trong khoảng $\pm 5\%$ so với điện áp danh định của lưới điện và được xác định tại vị trí đặt thiết bị đo đếm điện hoặc tại vị trí khác do hai bên thoả thuận. Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố, độ lệch điện áp cho phép từ $+5\%$ đến -10% ;
- b) Về tần số: trong điều kiện bình thường, độ lệch tần số hệ thống điện cho phép trong phạm vi $\pm 0,2\text{Hz}$ so với tần số danh định là 50Hz . Trường hợp sự cố, độ lệch tần số cho phép là $\pm 0,5\text{Hz}$.

2. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công suất sử dụng cực đại từ 80 kW hoặc máy biến áp có dung lượng từ 100 kVA trở lên có trách nhiệm: